

Số: 1446 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 453/TTr-SNNMT ngày 06/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục

hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ tục hành chính và quy trình nội bộ sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

a) Thủ tục hành chính có số thứ tự 01 Phần I tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn;

b) Quy trình nội bộ của thủ tục hành chính có số thứ tự 01 mục I Phần A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhàn

Phụ lục I
DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11 /8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Mã Số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
1	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	- Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số: 03 ngày làm việc kết từ ngày nhận hồ sơ - Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc trường hợp đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu: 10 ngày làm việc kết từ ngày nhận hồ sơ - Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do việc thay đổi địa giới hành chính: 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	- Luật Trồng trọt năm 2018. - Luật số 146/2025/QH15. - Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 - Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026

¹ Nội dung in nghiêng là tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC

Phụ lục II

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 của

Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ (23 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính
01	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

Phần II

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Ủy ban nhân dân cấp xã: UBND xã/phường
- Công chức chuyên môn cấp xã: CCCM
- Lãnh đạo phòng chuyên môn giải quyết TTHC: LĐCM
- Mã số vùng trồng/Mã số cơ sở đóng gói: MSVT/MSĐG

I. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định:

- TH1 Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số: 03 ngày làm việc (24 giờ) kết từ ngày nhận hồ sơ.
- TH2 Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc trường hợp đăng ký bổ sung thị trường xuất khẩu: 10 ngày làm việc kết từ ngày nhận hồ sơ.
- TH3 Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do việc thay đổi địa giới hành chính: 02 ngày (16 giờ) làm việc kết từ ngày tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)		
			TH1	TH2	TH3
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo UBND xã/phường	CCMC tại TTPVHCC	02 giờ	1/2 ngày	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã/phường	02 giờ	1/2 ngày	02 giờ
B3	Xem xét giải quyết hồ sơ: - Trường hợp đáp ứng yêu cầu, CCCM dự thảo Thông báo cấp MSVT/CSĐG. - Trường hợp không đáp ứng: CCCM dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do	CCCM	10 giờ	06 ngày	06 giờ
B4	Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo UBND xã/phường	LĐCM	04 giờ	01 ngày	02 giờ
B5	Xem xét, quyết định	Lãnh đạo UBND xã/phường	04 giờ	01 ngày	02 giờ
B6	Phát hành văn bản; chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư xã/phường	02 giờ	01 ngày	02 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian		
Tổng thời gian giải quyết			24 giờ	10 ngày	16 giờ